ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ

Thông báo số 48/2017/TB-LPQT ngày 27 tháng 11 năm 2017 về việc điều ước quốc tế có hiệu lực: "Nghị định thư về đường biên giới và mốc quốc giới giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào"

(Tiếp theo Công báo số 1011 + 1012)

PHỤ LỤC 2

Đính kèm

NGHỊ ĐỊNH THƯ VỀ ĐƯỜNG BIÊN GIỚI VÀ MỐC QUỐC GIỚI GIỮA NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM VÀ NƯỚC CỘNG HÒA DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC QUỐC GIỚI

TẬP 1

TỪ MỐC GIỚI SỐ 1 ĐẾN MỐC GIỚI SỐ 402

ỦY BAN LIÊN HỢP CẮM MỐC BIÊN GIỚI VIỆT NAM - LÀO
NĂM 2016

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 139(1)

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc ba cùng số (mốc tiểu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 27 tháng 5 năm 2011</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
890,94</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Cột mốc số 139(1) cắm trên bờ suối Chén phía Lào, nơi giao nhau giữa suối Ta La và suối Chén.
Khoảng cách từ cột mốc số 139(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 139(2) là 22,37m;
Khoảng cách từ cột mốc số 139(2) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 139(1) là 24,61m.
Khoảng cách từ cột mốc số 139(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 139(3) là 12,78m.
Khoảng cách từ cột mốc số 139(3) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 139(1) là 14,36m.
Khoảng cách từ cột mốc số 139(1) đến giao điểm giữa trung tuyến dòng chảy suối Ta La và trung tuyến dòng chảy suối Chén là 14,11m.</td><td rowspan="2">2 313 040,26
305 653,40</td><td rowspan="2">20°54'26,954"
103°07'53,041"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
889,74</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 138 đến cột mốc số 139(1) là 50°17'33"; khoảng cách là 1976,33m.
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 139(1) đến cột mốc số 139(2) là 343°38'39"; khoảng cách là 46,98m.
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 139(1) đến cột mốc số 139(3) là 43°46'34"; khoảng cách là 27,14m.
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 139(2) đến cột mốc số 139(3) là 128°31'11"; khoảng cách là 40,91m.
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 139(1) đến cột mốc số 140(1) là 93°51'32"; khoảng cách là 2580,05m.</td><td colspan="3"> 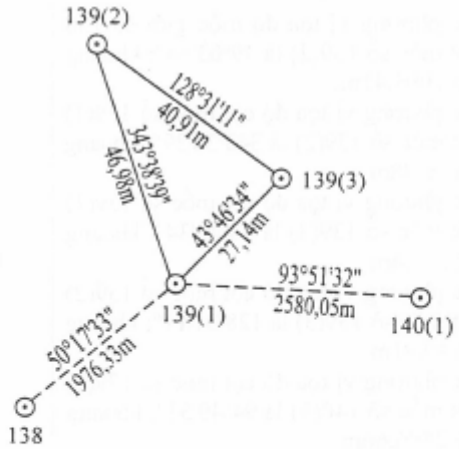
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 139(2)

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc ba cùng số (mốc tiểu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 31 tháng 5 năm 2011</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
891,84</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Cột mốc số 139(2) cắm trên bờ suối Ta La và suối Chén phía Việt Nam, nơi giao nhau giữa suối Ta La và suối Chén.
Khoảng cách từ cột mốc số 139(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 139(2) là 22,37m.
Khoảng cách từ cột mốc số 139(2) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 139(1) là 24,61m.
Khoảng cách từ cột mốc số 139(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 139(3) là 12,78m.
Khoảng cách từ cột mốc số 139(3) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 139(1) là 14,36m.
Khoảng cách từ cột mốc số 139(2) đến giao điểm giữa trung tuyến dòng chảy suối Ta La và trung tuyến dòng chảy suối Chén là 36,30m.</td><td rowspan="2">2 313 085,34
305 640,17</td><td rowspan="2">20°54'28,414"
103°07'52,566"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
890,64</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 138 đến cột mốc số 139(2) là 49°03'14"; khoảng cách là 1995,41m.
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 139(1) đến cột mốc số 139(2) là 343°38'39"; khoảng cách là 46,98m.
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 139(1) đến cột mốc số 139(3) là 43°46'34"; khoảng cách là 27,14m.
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 139(2) đến cột mốc số 139(3) là 128°31'11"; khoảng cách là 40,91m.
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 139(2) đến cột mốc số 140(1) là 94°49'55"; khoảng cách là 2596,66m.</td><td colspan="3"> 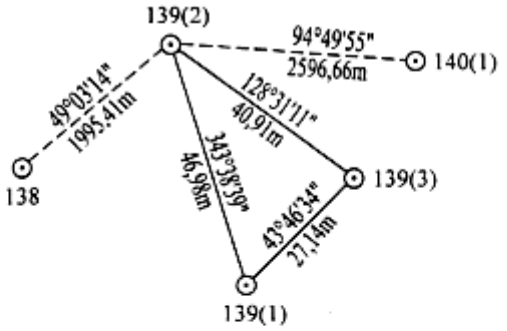
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 139(3)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc ba cùng số (mốc tiểu)	Đá hoa cương	Ngày 24 tháng 5 năm 2011	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (m) 890,58
	Tọa độ vuông góc X(m), Y(m)	Tọa độ địa lý B, L	
Cột mốc số 139(3) cắm trên bờ suối Chén phía Việt Nam, nơi giao nhau giữa suối Ta La và suối Chén. Khoảng cách từ cột mốc số 139(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 139(2) là 22,37m. Khoảng cách từ cột mốc số 139(2) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 139(1) là 24,61m. Khoảng cách từ cột mốc số 139(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 139(3) là 12,78m. Khoảng cách từ cột mốc số 139(3) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 139(1) là 14,36m. Khoảng cách từ cột mốc số 139(3) đến giao điểm giữa trung tuyến dòng chảy suối Ta La và trung tuyến dòng chảy suối Chén là 16,54m.	2 313 059,86 305 672,18	20°54'27,598" 103°07'53,684"	Chiều cao mốc (m) 1,20 Độ cao mặt đất (m) 889,38
Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 138 đến cột mốc số 139(3) là 50°12'16"; khoảng cách là 2003,30m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 139(1) đến cột mốc số 139(2) là 343°38'39"; khoảng cách là 46,98m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 139(1) đến cột mốc số 139(3) là 43°46'34"; khoảng cách là 27,14m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 139(2) đến cột mốc số 139(3) là 128°31'11"; khoảng cách là 40,91m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 139(3) đến cột mốc số 140(1) là 94°19'28"; khoảng cách là 2562,72m.	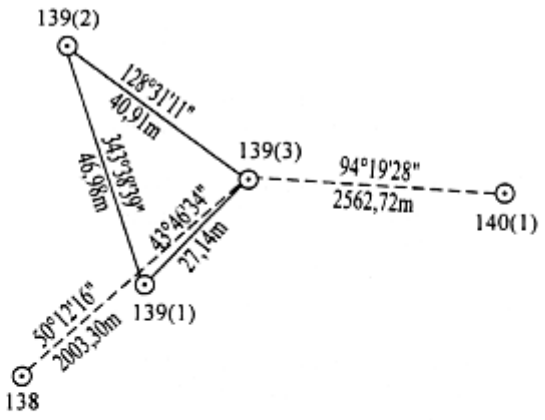		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 140(1)

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc ba cùng số (mốc tiêu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 11 tháng 11 năm 2011</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
807.93</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Cột mốc số 140(1) cắm trên bờ suối Chén và suối Hoa phía Việt Nam, nơi giao nhau giữa suối Chén, suối Hoa và suối Ủn.
Khoảng cách từ cột mốc số 140(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 140(2) là 23,20m.
Khoảng cách từ cột mốc số 140(2) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 140(1) là 35,41m.
Khoảng cách từ cột mốc số 140(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 140(3) là 25,48m.
Khoảng cách từ cột mốc số 140(3) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 140(1) là 21,88m.
Khoảng cách từ cột mốc số 140(1) đến giao điểm giữa trung tuyến dòng chảy suối Chén, suối Hoa với trung tuyến dòng chảy suối Ủn chảy ra từ lãnh thổ Lào là 26,38m.</td><td rowspan="2">2 312 866,62
308 227,60</td><td rowspan="2">20°54'22,276"
103°09'22,177"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
2,37</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
805,56</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ cột mốc số 139(3) đến cột mốc số 140(1) là 94°19'28"; khoảng cách là 2562,72m.
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 140(1) đến cột mốc số 140(2) là 161°03'07"; khoảng cách là 58,61m.
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 140(1) đến cột mốc số 140(3) là 210°12'31"; khoảng cách là 47,36m.
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 140(2) đến cột mốc số 140(3) là 288°41'28"; khoảng cách là 45,25m.
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 140(1) đến cột mốc số 141(1) là 44°44'25"; khoảng cách là 1570,63m.</td><td colspan="3"> 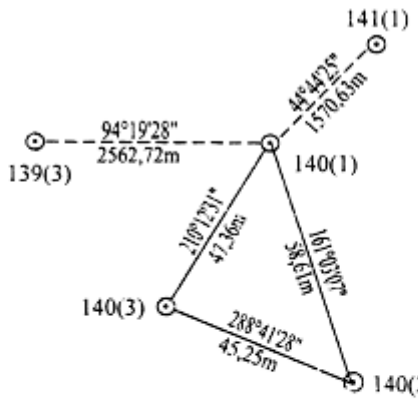
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 140(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc ba cùng số (mốc tiểu)	Đá hoa cương	Ngày 05 tháng 10 năm 2011

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (m) 805,53
	Tọa độ vuông góc X(m), Y(m)	Tọa độ địa lý B, L	
Cột mốc số 140(2) cắm trên bờ suối Hoa phía Lào, nơi giao nhau giữa suối Chén, suối Hoa và suối Ùn. Khoảng cách từ cột mốc số 140(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 140(2) là 23,20m. Khoảng cách từ cột mốc số 140(2) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 140(1) là 35,41m. Khoảng cách từ cột mốc số 140(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 140(3) là 25,48m. Khoảng cách từ cột mốc số 140(3) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 140(1) là 21,88m. Khoảng cách từ cột mốc số 140(2) đến giao điểm giữa trung tuyến dòng chảy suối Chén và suối Hoa với trung tuyến dòng chảy suối Ùn chảy ra từ lãnh thổ Lào là 32,99m.	2 312 811,19 308 246,63	20°54'20,481" 103°09'22,857"	Chiều cao mốc (m) 2,01 Độ cao mặt đất (m) 803,52

Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 139(3) đến cột mốc số 140(2) là 95°31'02"; khoảng cách là 2586,43m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 140(1) đến cột mốc số 140(2) là 161°03'07"; khoảng cách là 58,61m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 140(1) đến cột mốc số 140(3) là 210°12'31"; khoảng cách là 47,36m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 140(2) đến cột mốc số 140(3) là 288°41'28"; khoảng cách là 45,25m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 140(2) đến cột mốc số 141(1) là 42°51'21"; khoảng cách là 1597,48m.	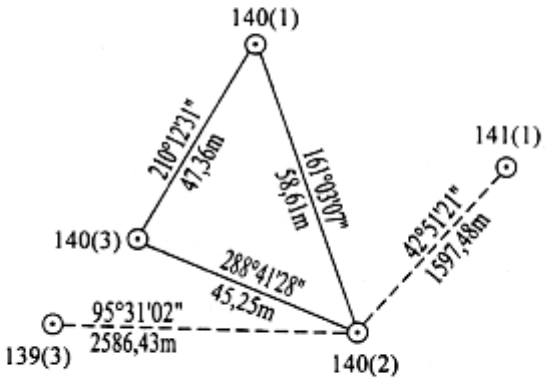

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 140(3)

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc ba cùng số (mốc tiểu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 07 tháng 10 năm 2011</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
804,85</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Cột mốc số 140(3) cắm trên bờ suối Chén phía Lào, nơi giao nhau giữa suối Chén, suối Hoa và suối Ủn.
Khoảng cách từ cột mốc số 140(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 140(2) là 23,20m.
Khoảng cách từ cột mốc số 140(2) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 140(1) là 35,41m.
Khoảng cách từ cột mốc số 140(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 140(3) là 25,48m.
Khoảng cách từ cột mốc số 140(3) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 140(1) là 21,88m.
Khoảng cách từ cột mốc số 140(3) đến giao điểm giữa trung tuyến dòng chảy suối Chén và suối Hoa với trung tuyến dòng chảy suối Ủn chảy ra từ lãnh thổ Lào là 38,22m.</td><td rowspan="2">2 312 825,69
308 203,77</td><td rowspan="2">20°54'20,937"
103°09'21,369"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
2,00</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
802,85</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ cột mốc số 139(3) đến cột mốc số 140(3) là 95°17'05"; khoảng cách là 2542,40m.
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 140(1) đến cột mốc số 140(2) là 161°03'07"; khoảng cách là 58,61m.
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 140(1) đến cột mốc số 140(3) là 210°12'31"; khoảng cách là 47,36m.
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 140(2) đến cột mốc số 140(3) là 288°41'28"; khoảng cách là 45,25m.
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 140(3) đến cột mốc số 141(1) là 44°19'09"; khoảng cách là 1616,52m.</td><td colspan="3"> 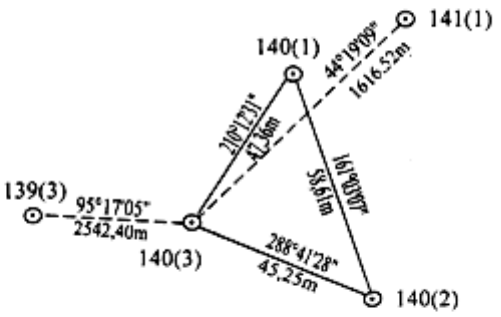
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 141(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc ba cùng số (mốc tiểu)	Đá hoa cương	Ngày 11 tháng 12 năm 2011	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (m) 783,91
	Tọa độ vuông góc X(m), Y(m)	Tọa độ địa lý B, L	
Cột mốc số 141(1) cắm trên bờ suối Hoa và suối không tên phía Lào, nơi giao nhau giữa suối Hoa và suối không tên. Khoảng cách từ cột mốc số 141(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 141(2) là 31,93m. Khoảng cách từ cột mốc số 141(2) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 141(1) là 32,89m. Khoảng cách từ cột mốc số 141(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 141(3) là 12,41m. Khoảng cách từ cột mốc số 141(3) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 141(1) là 16,82m. Khoảng cách từ cột mốc số 141(1) đến giao điểm giữa trung tuyến dòng chảy suối Hoa và trung tuyến dòng chảy suối không tên là 42,61m.	2 313 982,25 309 333,16	20°54'58,959" 103°09'59,988"	Chiều cao mốc (m) 2,15 Độ cao mặt đất (m) 781,76
Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 140(3) đến cột mốc số 141(1) là 44°19'09"; khoảng cách là 1616,52m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 141(1) đến cột mốc số 141(2) là 21°42'46"; khoảng cách là 64,82m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 141(1) đến cột mốc số 141(3) là 83°28'41"; khoảng cách là 29,23m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 141(2) đến cột mốc số 141(3) là 174°55'05"; khoảng cách là 57,12m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 141(1) đến mốc giới số 142 là 127°14'34"; khoảng cách là 2668,48m.	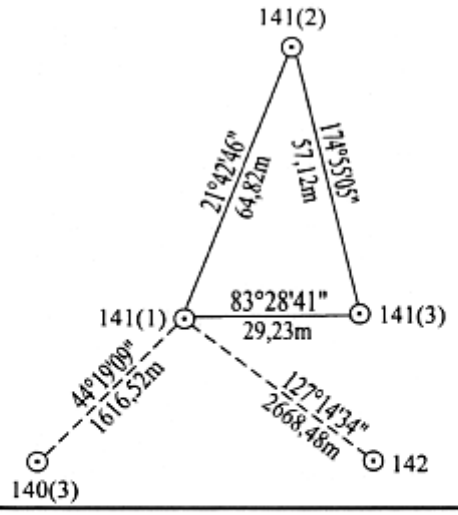		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 141(2)

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc ba cùng số (mốc tiểu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 14 tháng 12 năm 2011</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
785,06</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Cột mốc số 141(2) cắm trên bờ suối Hoa phía Việt Nam, nơi giao nhau giữa suối Hoa và suối không tên.
Khoảng cách từ cột mốc số 141(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 141(2) là 31,93m.
Khoảng cách từ cột mốc số 141(2) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 141(1) là 32,89m.
Khoảng cách từ cột mốc số 141(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 141(3) là 12,41m.
Khoảng cách từ cột mốc số 141(3) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 141(1) là 16,82m.
Khoảng cách từ cột mốc số 141(2) đến giao điểm giữa trung tuyến dòng chảy suối Hoa và trung tuyến dòng chảy suối không tên là 23,73m.</td><td rowspan="2">2 314 042,47
309 357,14</td><td rowspan="2">20°55'00,926"
103°10'00,794"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
783,86</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ cột mốc số 140(3) đến cột mốc số 141(2) là 43°28'03"; khoảng cách là 1676,55m.
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 141(1) đến cột mốc số 141(2) là 21°42'46"; khoảng cách là 64,82m.
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 141(1) đến cột mốc số 141(3) là 83°28'41"; khoảng cách là 29,23m.
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 141(2) đến cột mốc số 141(3) là 174°55'05"; khoảng cách là 57,12m.
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 141(2) đến mốc giới số 142 là 128°34'29"; khoảng cách là 2686,56m.</td><td colspan="3"> 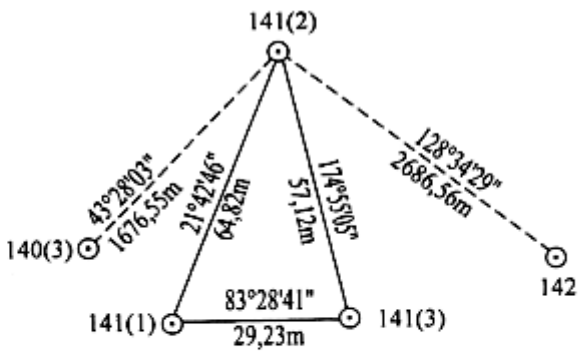
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 141(3)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc ba cùng số (mốc tiểu)	Đá hoa cương	Ngày 20 tháng 12 năm 2011	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (m) 783,81
	Tọa độ vuông góc X(m), Y(m)	Tọa độ địa lý B, L	
Cột mốc số 141(3) cắm trên bờ suối không tên phía Việt Nam, nơi giao nhau giữa suối Hoa và suối không tên. Khoảng cách từ cột mốc số 141(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 141(2) là 31,93m. Khoảng cách từ cột mốc số 141(2) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 141(1) là 32,89m. Khoảng cách từ cột mốc số 141(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 141(3) là 12,41m. Khoảng cách từ cột mốc số 141(3) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 141(1) là 16,82m. Khoảng cách từ cột mốc số 141(3) đến giao điểm giữa trung tuyến dòng chảy suối Hoa và trung tuyến dòng chảy suối không tên là 28,69m.	2 313 985,57 309 362,20	20°54'59,078" 103°10'00,991"	Chiều cao mốc (m) 2,14 Độ cao mặt đất (m) 781,67
Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 140(3) đến cột mốc số 141(3) là 44°57'51"; khoảng cách là 1639,29m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 141(1) đến cột mốc số 141(2) là 21°42'46"; khoảng cách là 64,82m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 141(1) đến cột mốc số 141(3) là 83°28'41"; khoảng cách là 29,23m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 141(2) đến cột mốc số 141(3) là 174°55'05"; khoảng cách là 57,12m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 141(3) đến mốc giới số 142 là 127°40'49"; khoảng cách là 2647,45m.	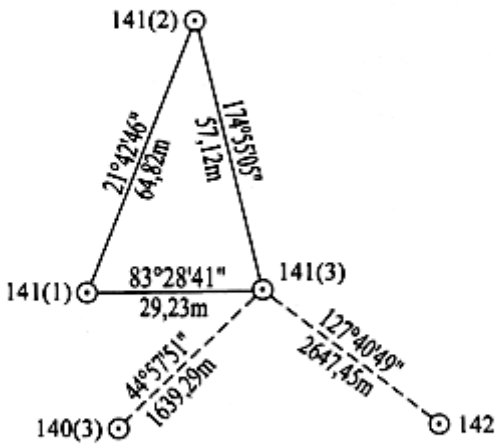		

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 142

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiểu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 03 tháng 3 năm 2011</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
1138,76</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 142 cắm trên đỉnh núi, trên đường biên giới.</td><td rowspan="2">2 312 367,30
311 457,48</td><td rowspan="2">20°54'07,238"
103°11'14,125"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
1137,56</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ cột mốc số 141(3) đến mốc giới số 142 là 127°40'49"; khoảng cách là 2647,45m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 142 đến mốc giới số 143 là 66°51'42"; khoảng cách là 1191,80m.</td><td colspan="3">
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 143

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn (mốc tiểu)	Đá hoa cương	Ngày 09 tháng 3 năm 2011	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (m) 1244,44
	Tọa độ vuông góc X(m), Y(m)	Tọa độ địa lý B, L	
Mốc giới số 143 cắm trên đỉnh núi, nơi đường biên giới chuyển hướng.	2 312 835,62 312 553,41	20°54'22,866" 103°11'51,862"	Chiều cao mốc (m) 1,20 Độ cao mặt đất (m) 1243,24
Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 142 đến mốc giới số 143 là 66°51'42"; khoảng cách là 1191,80m. Góc phương vị tọa độ mốc giới số 143 đến mốc giới số 144 là 114°46'37"; khoảng cách là 1823,95m.	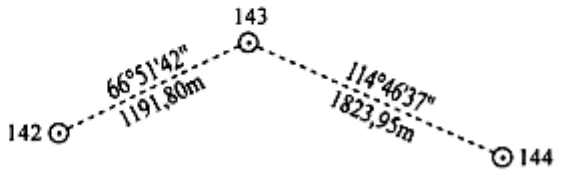		

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 144

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn (mốc đại)	Đá hoa cương	Ngày 19 tháng 11 năm 2011	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (m) 1277,73
	Tọa độ vuông góc X(m), Y(m)	Tọa độ địa lý B, L	
Mốc giới số 144 cắm trên sống núi, cạnh đường giao thông, trên đường biên giới, cửa khẩu Huổi Puốc (Việt Nam) - Na Son (Lào).	2 312 071,23 314 209,46	20°53'58.615" 103°12'49.456"	Chiều cao mốc (m) 3,08
			Độ cao mặt đất (m) 1274,65
Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 143 đến mốc giới số 144 là 114°46'37"; khoảng cách là 1823,95m. Góc phương vị tọa độ mốc giới số 144 đến mốc giới số 145 là 189°32'46"; khoảng cách là 1061,32m.	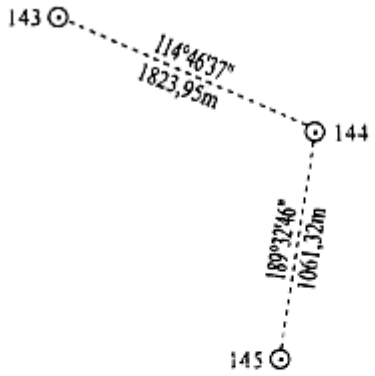		

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 145

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn (mốc tiểu)	Đá hoa cương	Ngày 13 tháng 01 năm 2010	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (m) 1255,21
	Tọa độ vuông góc X(m), Y(m)	Tọa độ địa lý B, L	
Mốc giới số 145 cắm trên yên ngựa, nơi đường biên giới chuyển hướng.	2 311 024,61 314 033,45	20°53'24,523" 103°12'43,770"	Chiều cao mốc (m) 1,20
			Độ cao mặt đất (m) 1254,01
Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 144 đến mốc giới số 145 là 189°32'46"; khoảng cách là 1061,32m. Góc phương vị tọa độ mốc giới số 145 đến mốc giới số 146 là 129°01'14"; khoảng cách là 2996,74m.	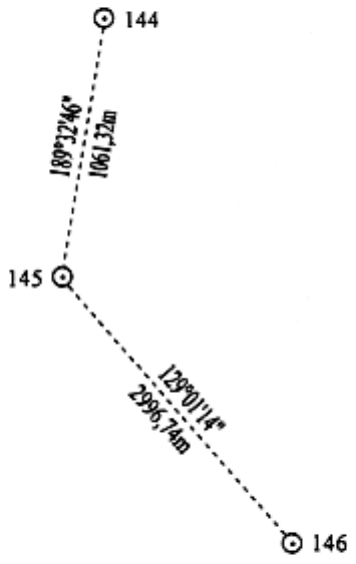		

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 146

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiểu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 19 tháng 01 năm 2010</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
1373,36</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 146 cắm trên đỉnh núi, nơi đường biên giới chuyển hướng.</td><td rowspan="2">2 309 137,87
316 361,68</td><td rowspan="2">20°52'24,016"
103°14'05,037"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
1372,16</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 145 đến mốc giới số 146 là 129°01'14"; khoảng cách là 2996,74m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 146 đến mốc giới số 147 là 203°21'11"; khoảng cách là 2689,87m.</td><td colspan="3"> 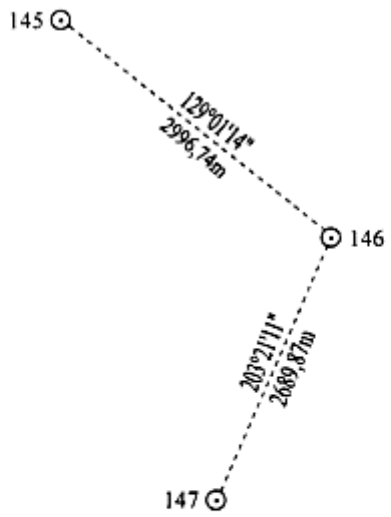
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 147

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn (mốc tiểu)	Đá hoa cương	Ngày 20 tháng 01 năm 2010	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (m) 1225,35
	Tọa độ vuông góc X(m), Y(m)	Tọa độ địa lý B, L	
Mốc giới số 147 cắm trên đỉnh núi, nơi đường biên giới chuyển hướng.	2 306 668,35 315 295,43	20°51'03,342" 103°13'29,094"	Chiều cao mốc (m) 1,20 Độ cao mặt đất (m) 1224,15
Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 146 đến mốc giới số 147 là 203°21'11"; khoảng cách là 2689,87m. Góc phương vị tọa độ mốc giới số 147 đến mốc giới số 148 là 140°35'12"; khoảng cách là 1484,03m.	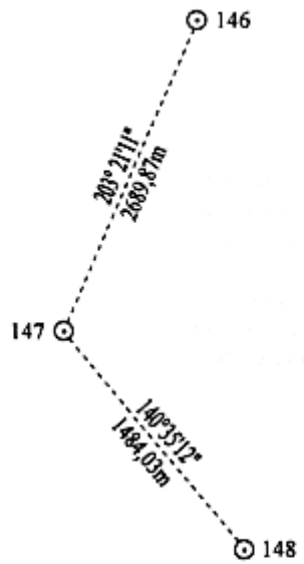		

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 148

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiêu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 18 tháng 12 năm 2009</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
1415,15</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 148 cắm trên đỉnh núi, nơi đường biên giới chuyển hướng.</td><td rowspan="2">2 305 521,81
316 237,66</td><td rowspan="2">20°50'26,402"
103°14'02,120"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
1413,95</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 147 đến mốc giới số 148 là 140°35'12"; khoảng cách là 1484,03m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 148 đến mốc giới số 149 là 162°49'32"; khoảng cách là 901,04m.</td><td colspan="3"> 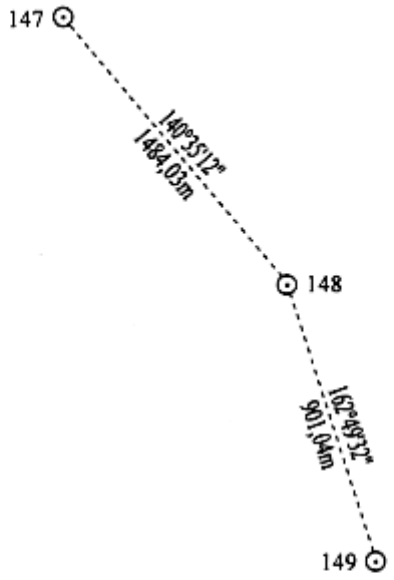
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 149

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc trung)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 18 tháng 12 năm 2009</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
1323,01</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 149 cắm trên đỉnh núi, nơi đường biên giới chuyển hướng.</td><td rowspan="2">2 304 660,95
316 503,72</td><td rowspan="2">20°49'58,507"
103°14'11,648"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,50</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
1321,51</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 148 đến mốc giới số 149 là 162°49'32"; khoảng cách là 901,04m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 149 đến mốc giới số 150 là 112°20'49"; khoảng cách là 3091,83m.</td><td colspan="3"> 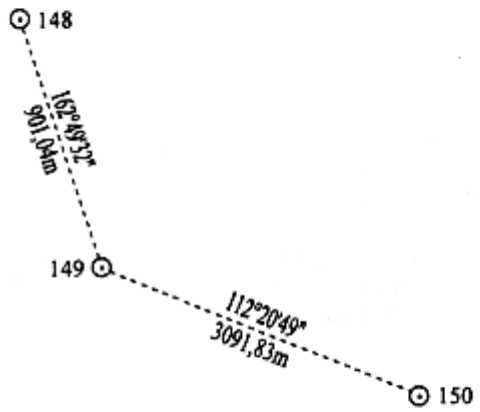
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 150

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn (mốc tiêu)	Đá hoa cương	Ngày 14 tháng 3 năm 2010	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (m) 1552,17
	Tọa độ vuông góc X(m), Y(m)	Tọa độ địa lý B, L	
Mốc giới số 150 cắm trên đỉnh núi, nơi đường biên giới chuyển hướng.	2 303 485,39 319 363,35	20°49'21,295" 103°15'50,985"	Chiều cao mốc (m) 1,20
			Độ cao mặt đất (m) 1550,97
Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 149 đến mốc giới số 150 là 112°20'49"; khoảng cách là 3091,83m. Góc phương vị tọa độ mốc giới số 150 đến mốc giới số 151 là 51°00'01"; khoảng cách là 2761,79m.	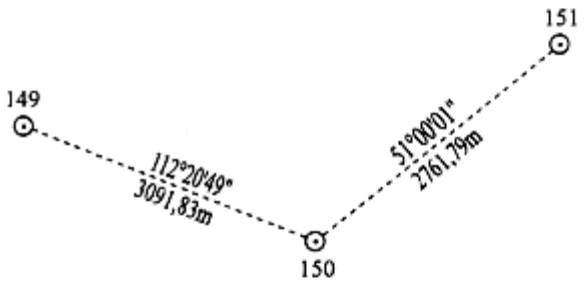		

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 151

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn (mốc tiểu)	Đá hoa cương	Ngày 15 tháng 3 năm 2010	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (m) 1573,76
	Tọa độ vuông góc X(m), Y(m)	Tọa độ địa lý B, L	
Mốc giới số 151 cắm trên đỉnh núi, nơi đường biên giới chuyển hướng.	2 305 223,43 321 509,67	20°50'18,554" 103°17'04,570"	Chiều cao mốc (m) 1,20
			Độ cao mặt đất (m) 1572,56
Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 150 đến mốc giới số 151 là 51°00'01"; khoảng cách là 2761,79m. Góc phương vị tọa độ mốc giới số 151 đến mốc giới số 152 là 125°17'44"; khoảng cách là 1353,53m.	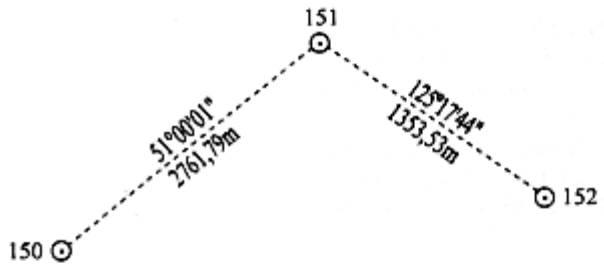		

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 152

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn (mốc trung)	Đá hoa cương	Ngày 04 tháng 5 năm 2010	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (m) 1579,20
	Tọa độ vuông góc X(m), Y(m)	Tọa độ địa lý B, L	
Mốc giới số 152 cắm trên đỉnh núi, nơi đường biên giới chuyển hướng.	2 304 441,37 322 614,40	20°49'53,506" 103°17'43,065"	Chiều cao mốc (m) 1,50
			Độ cao mặt đất (m) 1577,70
Góc phương vị, khoảng cách giữa mốc và cọc dấu	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 151 đến mốc giới số 152 là 125°17'44"; khoảng cách là 1353,53m. Góc phương vị tọa độ mốc giới số 152 đến cọc dấu số 152/1 là 186°46'42"; khoảng cách là 956,11m.	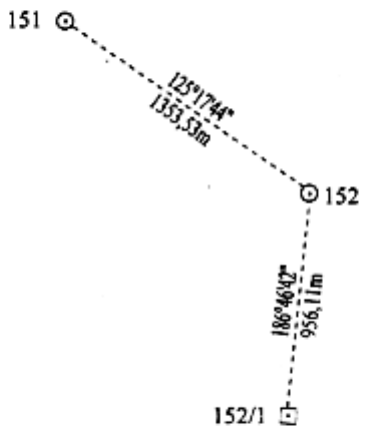		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỌC DẤU SỐ 152/1

Loại hình cọc dấu	Vật liệu làm cọc dấu	Thời gian cắm cọc dấu	
Cọc dấu đơn	Bê-tông cốt thép	Ngày 13 tháng 6 năm 2011	
Vị trí cọc dấu	Tọa độ		Độ cao (m) 1325,59
	Tọa độ vuông góc X(m), Y(m)	Tọa độ địa lý B, L	
Cọc dấu số 152/1 cắm trên yên ngựa, trên đường biên giới.	2 303 491,94 322 501,55	20°49'22,597" 103°17'39,510"	Chiều cao cọc dấu (m) 1,00 Độ cao mặt đất (m) 1324,59
Góc phương vị, khoảng cách giữa mốc và cọc dấu	Sơ đồ vị trí cọc dấu		
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 152 đến cọc dấu số 152/1 là 186°46'42"; khoảng cách là 956,11m. Góc phương vị tọa độ cọc dấu số 152/1 đến mốc giới số 153 là 157°33'04"; khoảng cách là 100,25m.	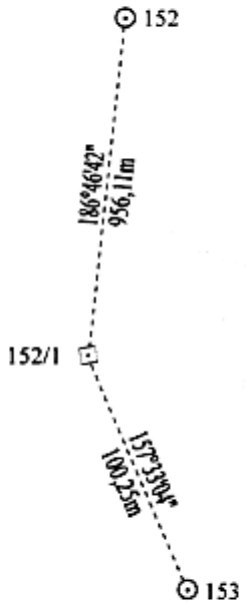		

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 153

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn (mốc tiểu)	Đá hoa cương	Ngày 25 tháng 03 năm 2011	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (m) 1336,66
	Tọa độ vuông góc X(m), Y(m)	Tọa độ địa lý B, L	
Mốc giới số 153 cắm trên đỉnh núi, nơi đường biên giới chuyển hướng.	2 303 399,29 322 539,83	20°49'19,598" 103°17'40,868"	Chiều cao mốc (m) 1,20
			Độ cao mặt đất (m) 1335,46
Góc phương vị, khoảng cách giữa mốc và cọc dấu	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cọc dấu số 152/1 đến mốc giới số 153 là 157°33'04"; khoảng cách là 100,25m. Góc phương vị tọa độ mốc giới số 153 đến mốc giới số 154 là 103°35'58"; khoảng cách là 3176,29m.	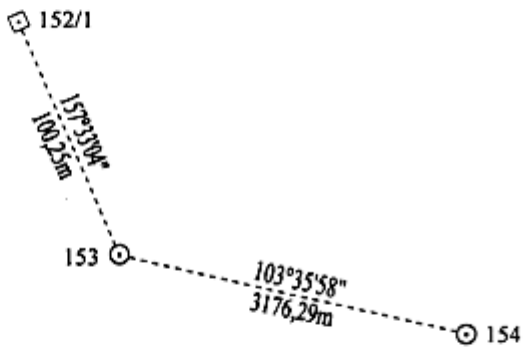		

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 154

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn (mốc tiểu)	Đá hoa cương	Ngày 26 tháng 4 năm 2010	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (m) 1473,46
	Tọa độ vuông góc X(m), Y(m)	Tọa độ địa lý B, L	
Mốc giới số 154 cắm trên yên ngựa, trên đường biên giới.	2 302 652,44 325 627,07	20°48'56,367" 103°19'27,903"	Chiều cao mốc (m) 1,20 Độ cao mặt đất (m) 1472,26
Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 153 đến mốc giới số 154 là 103°35'58"; khoảng cách là 3176,29m. Góc phương vị tọa độ mốc giới số 154 đến mốc giới số 155 là 117°31'51"; khoảng cách là 3205,45m.	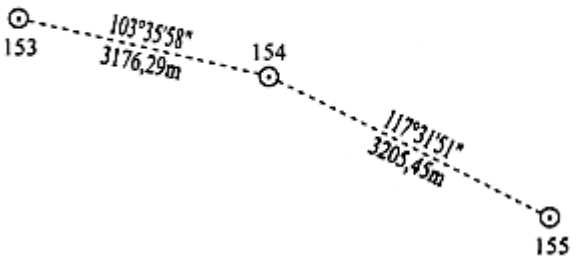		

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 155

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn (mốc tiêu)	Đá hoa cương	Ngày 03 tháng 4 năm 2010	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (m) 1445,10
	Tọa độ vuông góc X(m), Y(m)	Tọa độ địa lý B, L	
Mốc giới số 155 cắm trên sống núi, trên đường biên giới.	2 301 170,80 328 469,54	20°48'09,144" 103°21'06,725"	Chiều cao mốc (m) 1,20
			Độ cao mặt đất (m) 1443,90
Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 154 đến mốc giới số 155 là 117°31'51"; khoảng cách là 3205,45m. Góc phương vị tọa độ mốc giới số 155 đến mốc giới số 156 là 64°42'13"; khoảng cách là 1293,21m.	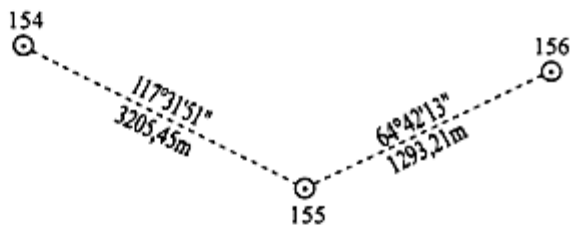		

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 156

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiểu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 03 tháng 4 năm 2010</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
1499,49</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B. L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 156 cắm trên đỉnh núi, nơi đường biên giới chuyển hướng.</td><td rowspan="2">2 301 723,39
329 638,74</td><td rowspan="2">20°48'27,499"
103°21'46,962"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
1498,29</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 155 đến mốc giới số 156 là 64°42'13"; khoảng cách là 1293,21m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 156 đến mốc giới số 157 là 139°03'34"; khoảng cách là 2364,30m.</td><td colspan="3"> 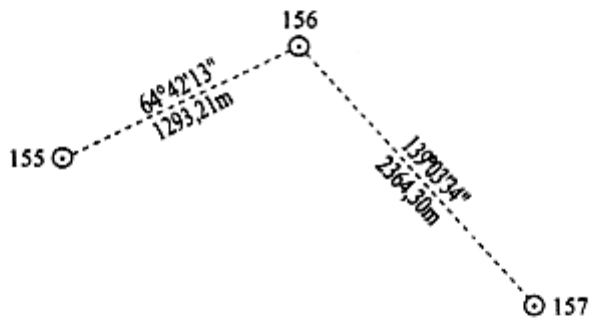
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 157

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn (mốc tiểu)	Đá hoa cương	Ngày 01 tháng 4 năm 2010	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (m) 1632,08
	Tọa độ vuông góc X(m), Y(m)	Tọa độ địa lý B, L	
Mốc giới số 157 cắm trên sống núi, trên đường biên giới.	2 299 937,42 331 188,01	20°47'29.936" 103°22'41,158"	Chiều cao mốc (m) 1,20
			Độ cao mặt đất (m) 1630,88
Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 156 đến mốc giới số 157 là 139°03'34"; khoảng cách là 2364,30m. Góc phương vị tọa độ mốc giới số 157 đến mốc giới số 158 là 113°36'15"; khoảng cách là 2230,33m.	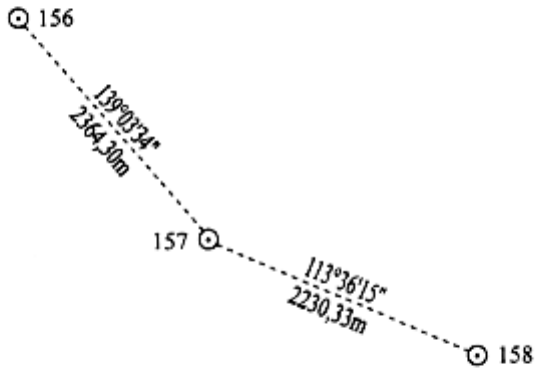		

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 158

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn (mốc trung)	Đá hoa cương	Ngày 25 tháng 3 năm 2011	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (m) 1570,08
	Tọa độ vuông góc X(m), Y(m)	Tọa độ địa lý B, L	
Mốc giới số 158 cắm trên sống núi, trên đường biên giới.	2 299 044,36 333 231,74	20°47'01,561" 103°23'52,132"	Chiều cao mốc (m) 1,50
			Độ cao mặt đất (m) 1568,58
Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 157 đến mốc giới số 158 là 113°36'15"; khoảng cách là 2230,33m. Góc phương vị tọa độ mốc giới số 158 đến mốc giới số 159 là 52°15'59"; khoảng cách là 2417,63m.	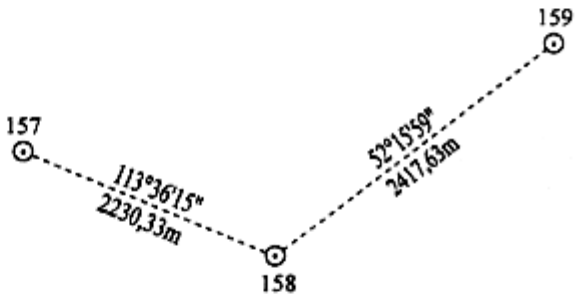		

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 159

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn (mốc tiểu)	Đá hoa cương	Ngày 25 tháng 3 năm 2011	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (m) 1306,69
	Tọa độ vuông góc X(m), Y(m)	Tọa độ địa lý B, L	
Mốc giới số 159 cắm trên yên ngựa, trên đường biên giới.	2 300 523,93 335 143,76	20°47'50,285" 103°24'57,740"	Chiều cao mốc (m) 1,20
			Độ cao mặt đất (m) 1305,49
Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 158 đến mốc giới số 159 là 52°15'59"; khoảng cách là 2417,63m. Góc phương vị tọa độ mốc giới số 159 đến mốc giới số 160 là 103°37'38"; khoảng cách là 1074,99m.	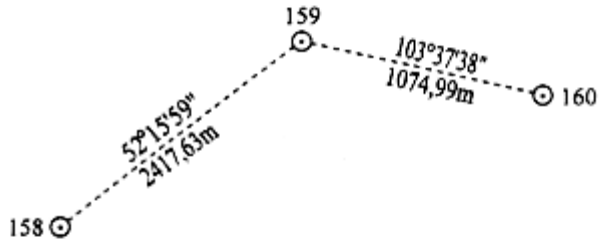		

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 160

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn (mốc trung)	Đá hoa cương	Ngày 28 tháng 3 năm 2011	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (m) 1485,01
	Tọa độ vuông góc X(m), Y(m)	Tọa độ địa lý B, L	
Mốc giới số 160 cắm trên yên ngựa, trên đường biên giới.	2 300 270,66 336 188,49	20°47'42,382" 103°25'33,951"	Chiều cao mốc (m) 1,50
			Độ cao mặt đất (m) 1483,51
Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 159 đến mốc giới số 160 là 103°37'38"; khoảng cách là 1074,99m. Góc phương vị tọa độ mốc giới số 160 đến mốc giới số 161 là 81°32'12"; khoảng cách là 1687,29m.	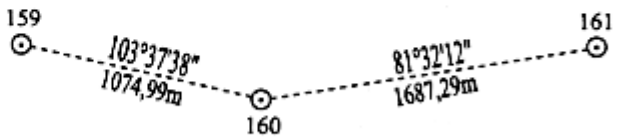		

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 161

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiểu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 28 tháng 3 năm 2011</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
1523,24</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 161 cắm trên sống núi, nơi đường biên giới chuyển hướng.</td><td rowspan="2">2 300 518,99
337 857,41</td><td rowspan="2">20°47'50,983"
103°26'31,578"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
1522,04</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 160 đến mốc giới số 161 là 81°32'12"; khoảng cách là 1687,29m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 161 đến mốc giới số 162 là 11°43'55"; khoảng cách là 2589,45m.</td><td colspan="3"> 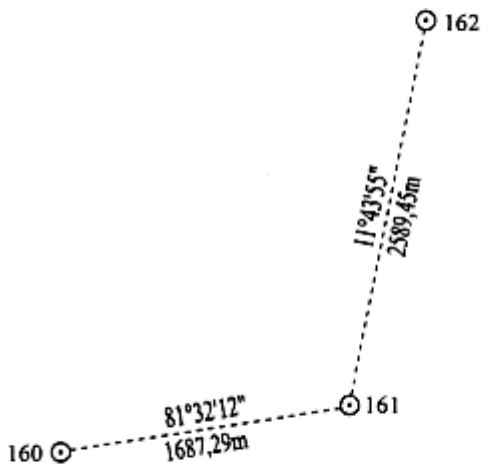
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 162

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn (mốc trung)	Đá hoa cương	Ngày 08 tháng 4 năm 2011	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (m) 1875,07
	Tọa độ vuông góc X(m), Y(m)	Tọa độ địa lý B, L	
Mốc giới số 162, cắm trên đỉnh núi thuộc dãy núi Sam Sầu, trên đường biên giới.	2 303 054,35 338 383,93	20°49'13,591" 103°26'48,941"	Chiều cao mốc (m) 1,50
			Độ cao mặt đất (m) 1873,57
Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 161 đến mốc giới số 162 là 11°43'55"; khoảng cách là 2589,45m. Góc phương vị tọa độ mốc giới số 162 đến mốc giới số 163 là 63°08'31"; khoảng cách là 1852,58m.	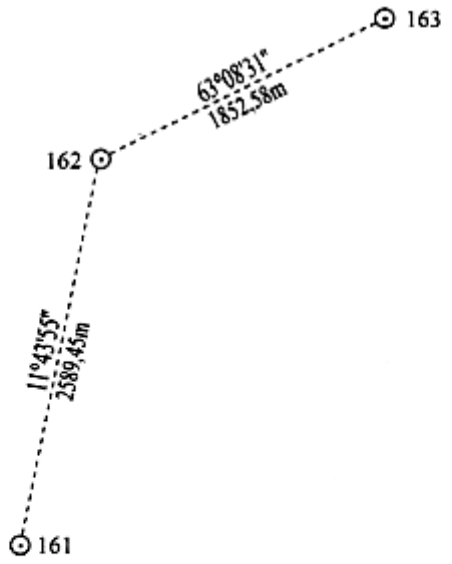		

201

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 163

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn (mốc tiểu)	Đá hoa cương	Ngày 29 tháng 3 năm 2011	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (m) 1611,90
	Tọa độ vuông góc X(m), Y(m)	Tọa độ địa lý B, L	
Mốc giới số 163 cắm trên yên ngựa, trên đường biên giới.	2 303 891,31 340 036,67	20°49'41,322" 103°27'45,825"	Chiều cao mốc (m) 1,20 Độ cao mặt đất (m) 1610,70
Góc phương vị, khoảng cách giữa mốc và cọc dấu	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 162 đến mốc giới số 163 là 63°08'31"; khoảng cách là 1852,58m. Góc phương vị tọa độ mốc giới số 163 đến cọc dấu số 163/1 là 133°02'10"; khoảng cách là 1103,76m.	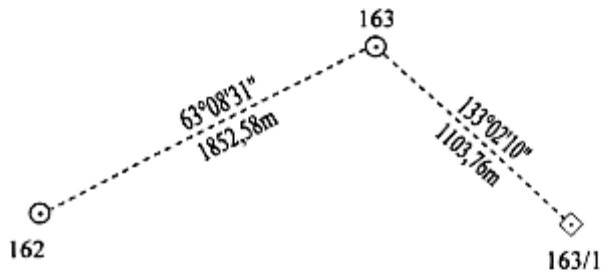		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỌC DẤU SỐ 163/1

Loại hình cọc dấu	Vật liệu làm cọc dấu	Thời gian cắm cọc dấu	
Cọc dấu đơn	Bê-tông cốt thép	Ngày 25 tháng 5 năm 2014	
Vị trí cọc dấu	Tọa độ		Độ cao (m) 1575,09
	Tọa độ vuông góc X(m), Y(m)	Tọa độ địa lý B, L	
Cọc dấu số 163/1 cắm trên sống núi, cạnh đường giao thông, trên đường biên giới.	2 303 138,04 340 843,43	20°49'17,077" 103°28'13,976"	Chiều cao cọc dấu (m) 1,08
			Độ cao mặt đất (m) 1574,01
Góc phương vị, khoảng cách giữa mốc và cọc dấu	Sơ đồ vị trí cọc dấu		
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 163 đến cọc dấu số 163/1 là 133°02'10"; khoảng cách là 1103,76m. Góc phương vị tọa độ cọc dấu số 163/1 đến mốc giới số 164 là 135°21'17"; khoảng cách là 1767,36m.	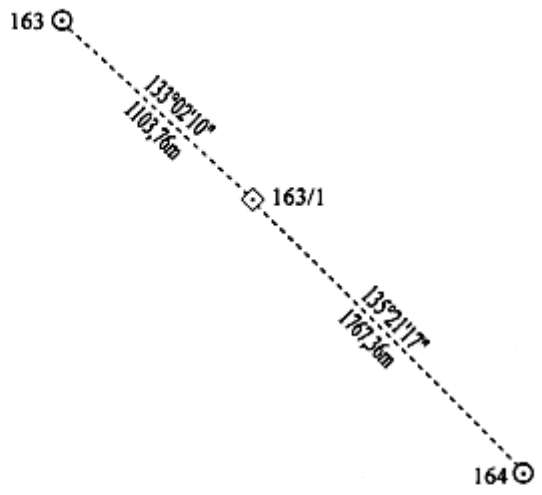		

203

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 164

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn (mốc tiêu)	Đá hoa cương	Ngày 08 tháng 01 năm 2013	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (m) 1682,28
	Tọa độ vuông góc X(m), Y(m)	Tọa độ địa lý B, L	
Mốc giới số 164 cắm trên đỉnh núi, trên đường biên giới.	2 301 880,61 342 085,38	20°48'36,570" 103°28'57,339"	Chiều cao mốc (m) 1,20
			Độ cao mặt đất (m) 1681,08
Góc phương vị, khoảng cách giữa mốc và cọc dấu	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cọc dấu số 163/1 đến mốc giới số 164 là 135°21'17"; khoảng cách là 1767,36m. Góc phương vị tọa độ mốc giới số 164 đến mốc giới số 165 là 175°47'19"; khoảng cách là 2852,39m.	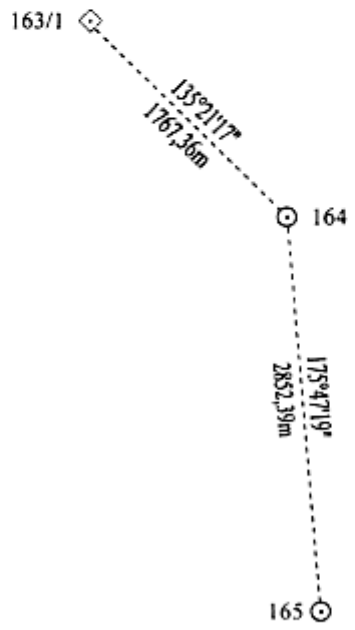		

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 165

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn (mốc tiêu)	Đá hoa cương	Ngày 07 tháng 01 năm 2013	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (m) 1877,23
	Tọa độ vuông góc X(m), Y(m)	Tọa độ địa lý B, L	
Mốc giới số 165 cắm trên sống núi, nơi đường biên giới chuyển hướng.	2 299 035,92 342 294,85	20°47'04,132" 103°29'05,507"	Chiều cao mốc (m) 1,20
			Độ cao mặt đất (m) 1876,03
Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 164 đến mốc giới số 165 là 175°47'19"; khoảng cách là 2852,39m. Góc phương vị tọa độ mốc giới số 165 đến mốc giới số 166 là 121°49'28"; khoảng cách là 1574,87m.	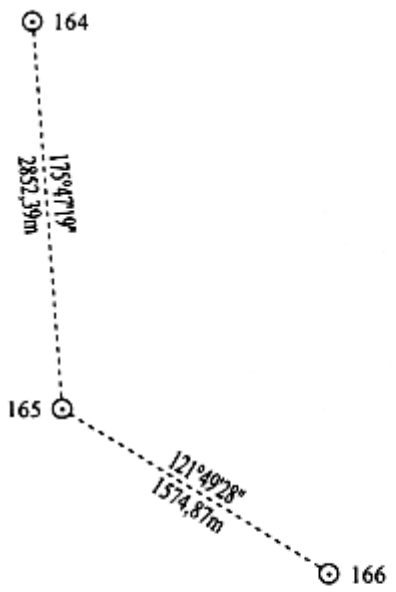		

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 166

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiểu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 18 tháng 01 năm 2013</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
1762,63</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 166 cắm trên đỉnh núi, nơi đường biên giới chuyển hướng.</td><td rowspan="2">2 298 205,46
343 632,97</td><td rowspan="2">20°46'37.533"
103°29'52,044"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
1761,43</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 165 đến mốc giới số 166 là 121°49'28"; khoảng cách là 1574,87m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 166 đến mốc giới số 167 là 161°49'16"; khoảng cách là 2334,19m.</td><td colspan="3"> 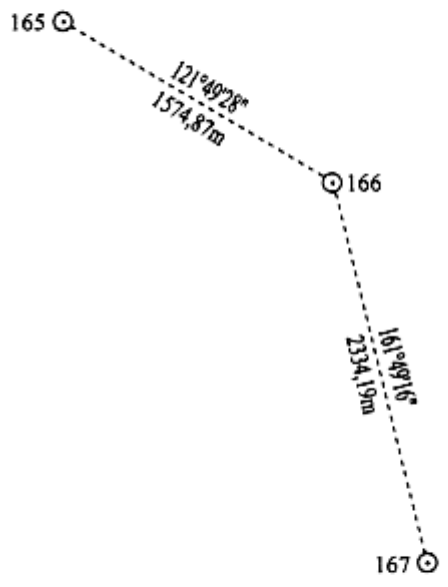
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 167

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn (mốc trung)	Đá hoa cương	Ngày 24 tháng 01 năm 2013	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (m) 1707,47
	Tọa độ vuông góc X(m), Y(m)	Tọa độ địa lý B, L	
Mốc giới số 167 cắm trên đỉnh núi, trên đường biên giới.	2 295 987,78 344 361,20	20°45'25,638" 103°30'17,932"	Chiều cao mốc (m) 1,50
			Độ cao mặt đất (m) 1705,97
Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 166 đến mốc giới số 167 là 161°49'16"; khoảng cách là 2334,19m. Góc phương vị tọa độ mốc giới số 167 đến mốc giới số 168 là 117°16'53"; khoảng cách là 1774,69m.	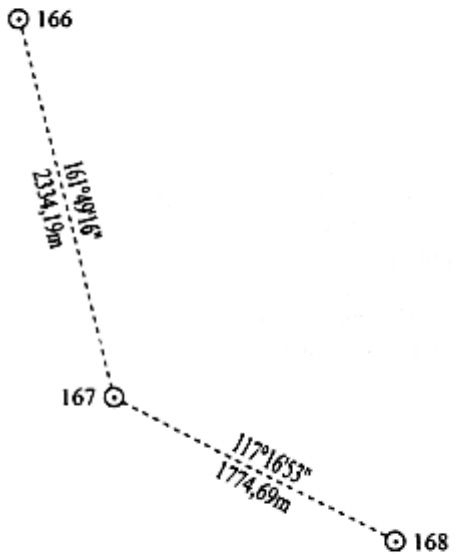		

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 168

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn (mốc tiểu)	Đá hoa cương	Ngày 13 tháng 6 năm 2013	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (m) 1626,48
	Tọa độ vuông góc X(m). Y(m)	Tọa độ địa lý B, L	
Mốc giới số 168 cắm trên đỉnh núi, nơi đường biên giới chuyển hướng.	2 295 174,33 345 938,48	20°44'59,659" 103°31'12,719"	Chiều cao mốc (m) 1,20
			Độ cao mặt đất (m) 1625,28
Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 167 đến mốc giới số 168 là 117°16'53"; khoảng cách là 1774,69m. Góc phương vị tọa độ mốc giới số 168 đến mốc giới số 169 là 75°19'53"; khoảng cách là 1767,34m.	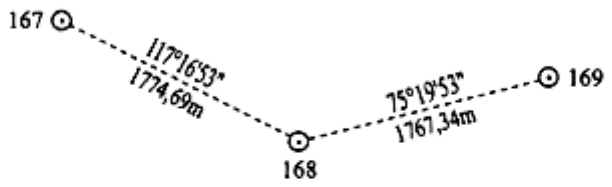		

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 169

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn (mốc tiểu)	Đá hoa cương	Ngày 14 tháng 6 năm 2013	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (m) 1616,21
	Tọa độ vuông góc X(m), Y(m)	Tọa độ địa lý B, L	
Mốc giới số 169 cắm trên đỉnh núi, nơi đường biên giới chuyển hướng.	2 295 621,87 347 648,22	20°45'14,718" 103°32'11,685"	Chiều cao mốc (m) 1,20
			Độ cao mặt đất (m) 1615,01
Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 168 đến mốc giới số 169 là 75°19'53"; khoảng cách là 1767,34m. Góc phương vị tọa độ mốc giới số 169 đến mốc giới số 170 là 122°32'51"; khoảng cách là 1927,72m.	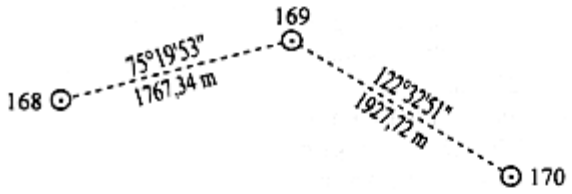		

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 170

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn (mốc tiêu)	Đá hoa cương	Ngày 15 tháng 6 năm 2013	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (m) 1539,88
	Tọa độ vuông góc X(m), Y(m)	Tọa độ địa lý B, L	
Mốc giới số 170 cắm trên đỉnh núi, nơi đường biên giới chuyển hướng.	2 294 584,76 349 273,18	20°44'41,468" 103°33'08,184"	Chiều cao mốc (m) 1,20
			Độ cao mặt đất (m) 1538,68
Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 169 đến mốc giới số 170 là 122°32'51"; khoảng cách là 1927,72m. Góc phương vị tọa độ mốc giới số 170 đến mốc giới số 171 là 64°15'39"; khoảng cách là 1336,48m.			

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 171

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn (mốc tiểu)	Đá hoa cương	Ngày 16 tháng 6 năm 2013	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (m) 1507,48
	Tọa độ vuông góc X(m), Y(m)	Tọa độ địa lý B, L	
Mốc giới số 171 cắm trên sống núi. cạnh đường mòn. trên đường biên giới.	2 295 165,16 350 477,06	20°45'00,691" 103°33'49,624"	Chiều cao mốc (m) 1,20
			Độ cao mặt đất (m) 1506,28
Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 170 đến mốc giới số 171 là 64°15'39"; khoảng cách là 1336,48m. Góc phương vị tọa độ mốc giới số 171 đến mốc giới số 172 là 91°04'45"; khoảng cách là 1998,11m.	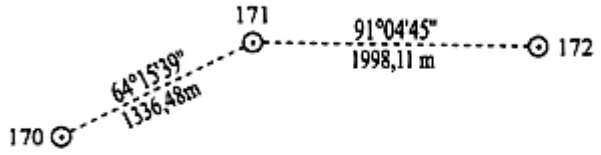		

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 172

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiểu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 16 tháng 6 năm 2013</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
1476,85</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 172 cắm trên yên ngựa, nơi đường biên giới chuyển hướng.</td><td rowspan="2">2 295 127,53
352 474,82</td><td rowspan="2">20°45'00,041"
103°34'58,700"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
1475,65</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 171 đến mốc giới số 172 là 91°04'45"; khoảng cách là 1998,11m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 172 đến mốc giới số 173 là 107°48'36"; khoảng cách là 1846,25m.</td><td colspan="3"> 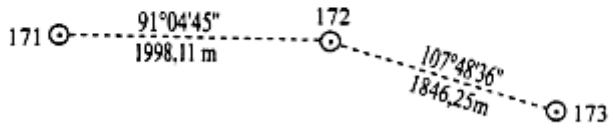
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 173

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn (mốc trung)	Đá hoa cương	Ngày 10 tháng 6 năm 2013	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (m) 1690,21
	Tọa độ vuông góc X(m), Y(m)	Tọa độ địa lý B, L	
Mốc giới số 173 cắm trên đỉnh núi, trên đường biên giới.	2 294 562,83 354 232,59	20°44'42,175" 103°35'59,637"	Chiều cao mốc (m) 1,50
			Độ cao mặt đất (m) 1688,71
Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 172 đến mốc giới số 173 là 107°48'36"; khoảng cách là 1846,25m. Góc phương vị tọa độ mốc giới số 173 đến mốc giới số 174 là 137°00'00"; khoảng cách là 2077,93m.	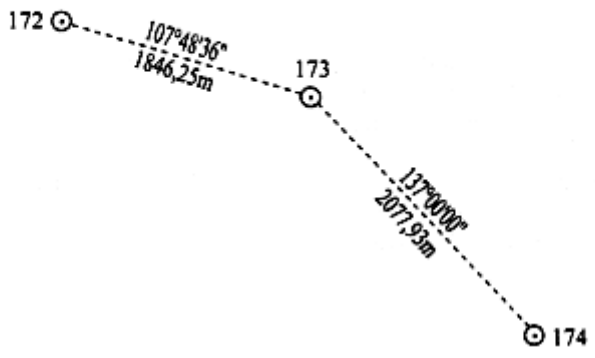		

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 174

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn (mốc tiêu)	Đá hoa cương	Ngày 08 tháng 7 năm 2013	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (m) 1669,83
	Tọa độ vuông góc X(m), Y(m)	Tọa độ địa lý B, L	
Mốc giới số 174 cắm trên đỉnh núi, nơi đường biên giới chuyển hướng.	2 293 043,13 355 649,74	20°43'53,152" 103°36'49,079"	Chiều cao mốc (m) 1,20
			Độ cao mặt đất (m) 1668,63
Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 173 đến mốc giới số 174 là 137°00'00"; khoảng cách là 2077,93m. Góc phương vị tọa độ mốc giới số 174 đến mốc giới số 175 là 116°41'54"; khoảng cách là 2562,91m.	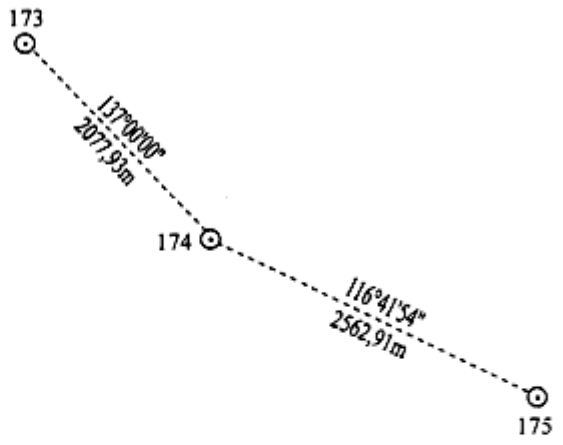		

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 175

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn (mốc tiểu)	Đá hoa cương	Ngày 03 tháng 6 năm 2013	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (m) 1566,96
	Tọa độ vuông góc X(m), Y(m)	Tọa độ địa lý B, L	
Mốc giới số 175 cắm trên đỉnh núi, trên đường biên giới.	2 291 891,63 357 939,40	20°43'16,338" 103°38'08,562"	Chiều cao mốc (m) 1,20
			Độ cao mặt đất (m) 1565,76
Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 174 đến mốc giới số 175 là 116°41'54"; khoảng cách là 2562,91m. Góc phương vị tọa độ mốc giới số 175 đến mốc giới số 176 là 143°27'05"; khoảng cách là 3520,08m.	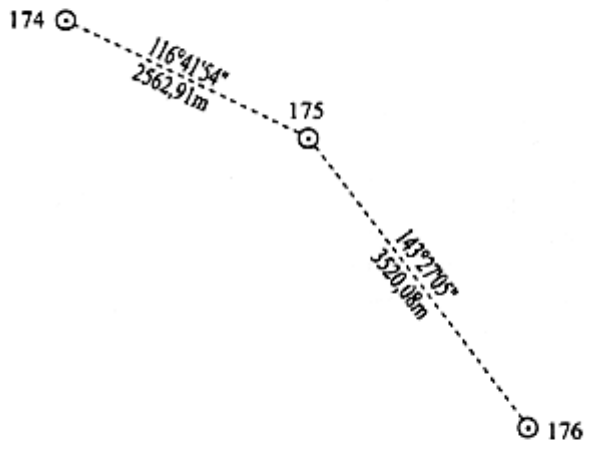		

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 176

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn (mốc tiểu)	Đá hoa cương	Ngày 25 tháng 5 năm 2013	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (m) 1696,34
	Tọa độ vuông góc X(m), Y(m)	Tọa độ địa lý B, L	
Mốc giới số 176 cắm trên sống núi, nơi đường biên giới chuyển hướng.	2 289 063,77 360 035,62	20°41'44,945" 103°39'21,830"	Chiều cao mốc (m) 1,20
			Độ cao mặt đất (m) 1695,14
Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 175 đến mốc giới số 176 là 143°27'05"; khoảng cách là 3520,08m. Góc phương vị tọa độ mốc giới số 176 đến mốc giới số 177 là 63°07'38"; khoảng cách là 1207,47m.	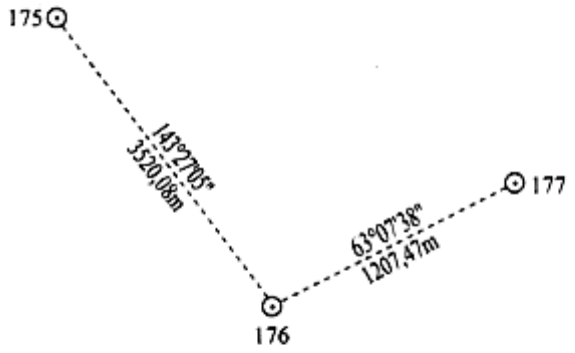		

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 177

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiểu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 26 tháng 5 năm 2013</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
1789,94</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 177 cắm trên sống núi, nơi đường biên giới chuyển hướng.</td><td rowspan="2">2 289 609.56
361 112,70</td><td rowspan="2">20°42'02,983"
103°39'58,900"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
1788,74</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 176 đến mốc giới số 177 là 63°07'38"; khoảng cách là 1207,47m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 177 đến mốc giới số 178 là 159°15'54"; khoảng cách là 2077,48m.</td><td colspan="3"> 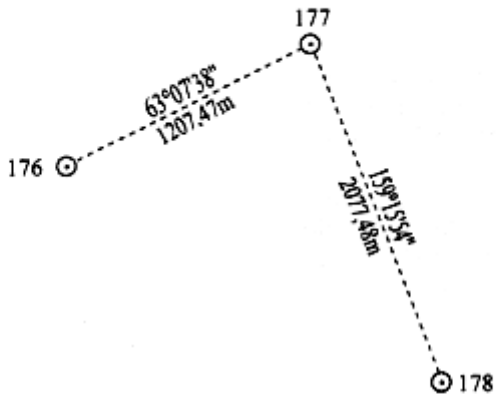
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 178

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiêu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 27 tháng 5 năm 2013</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
1674,30</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 178 cắm trên đỉnh núi Pà Kha, trên đường biên giới.</td><td rowspan="2">2 287 666,64
361 848,23</td><td rowspan="2">20°40'59,994"
103°40'24,870"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
1673,10</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 177 đến mốc giới số 178 là 159°15'54"; khoảng cách là 2077,48m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 178 đến mốc giới số 179 là 174°42'55"; khoảng cách là 1853,45m.</td><td colspan="3"> 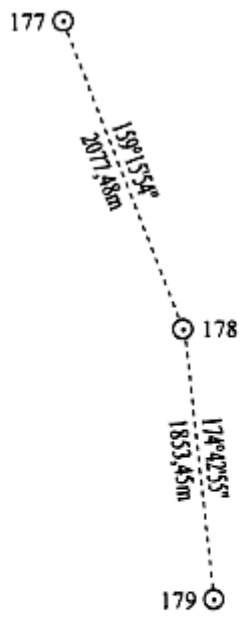
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 179

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc trung)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 11 tháng 4 năm 2013</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
1659,66</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 179 cắm trên đỉnh núi, nơi đường biên giới chuyển hướng.</td><td rowspan="2">2 285 821,07
362 018,94</td><td rowspan="2">20°40'00,020"
103°40'31,290"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,50</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
1658,16</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 178 đến mốc giới số 179 là 174°42'55"; khoảng cách là 1853,45m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 179 đến mốc giới số 180 là 108°53'37"; khoảng cách là 1559,22m.</td><td colspan="3"> 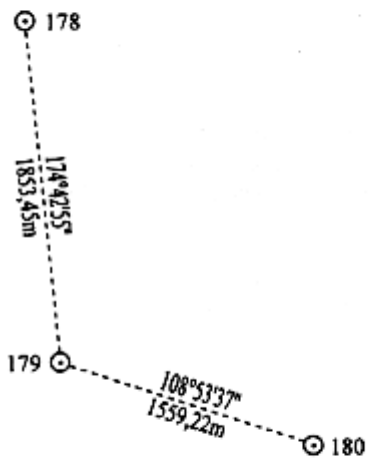
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 180

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn (mốc tiêu)	Đá hoa cương	Ngày 12 tháng 4 năm 2013	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (m) 1659,45
	Tọa độ vuông góc X(m), Y(m)	Tọa độ địa lý B, L	
Mốc giới số 180 cắm trên đỉnh núi, trên đường biên giới.	2 285 316,18 363 494,15	20°39'43,990" 103°41'22,404"	Chiều cao mốc (m) 1,20
			Độ cao mặt đất (m) 1658,25
Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 179 đến mốc giới số 180 là 108°53'37"; khoảng cách là 1559,22m. Góc phương vị tọa độ mốc giới số 180 đến mốc giới số 181 là 75°11'14"; khoảng cách là 2685,63m.	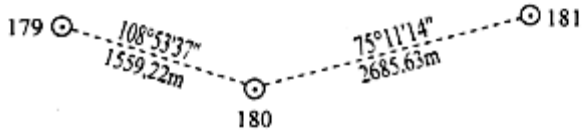		

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 181

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiểu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 29 tháng 5 năm 2013</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
1581,03</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 181 cắm trên đỉnh núi, nơi đường biên giới chuyển hướng.</td><td rowspan="2">2 286 002,79
366 090,53</td><td rowspan="2">20°40'06,995"
103°42'51,930"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
1579,83</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 180 đến mốc giới số 181 là 75°11'14"; khoảng cách là 2685,63m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 181 đến mốc giới số 182 là 91°12'16"; khoảng cách là 2278,09m.</td><td colspan="3"> 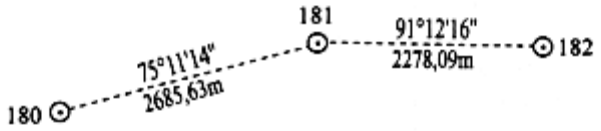
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 182

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn (mốc tiểu)	Đá hoa cương	Ngày 04 tháng 6 năm 2013	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (m) 1553,36
	Tọa độ vuông góc X(m), Y(m)	Tọa độ địa lý B, L	
Mốc giới số 182 cắm trên đỉnh núi, nơi đường biên giới chuyển hướng.	2 285 954,91 368 368,12	20°40'06,020" 103°44'10,644"	Chiều cao mốc (m) 1,20
			Độ cao mặt đất (m) 1552,16
Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 181 đến mốc giới số 182 là 91°12'16"; khoảng cách là 2278,09m. Góc phương vị tọa độ mốc giới số 182 đến mốc giới số 183 là 44°56'43"; khoảng cách là 1483,96m.	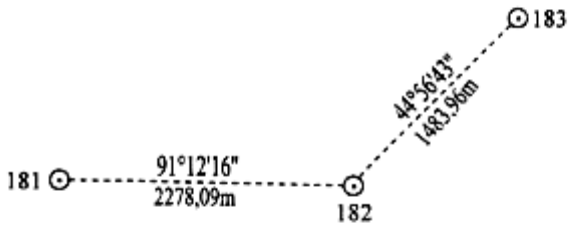		

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 183

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn (mốc trung)	Đá hoa cương	Ngày 06 tháng 6 năm 2013	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (m) 1462,38
	Tọa độ vuông góc X(m), Y(m)	Tọa độ địa lý B, L	
Mốc giới số 183 cắm trên đỉnh núi, nơi đường biên giới chuyển hướng.	2 287 005,23 369 416,44	20°40'40,442" 103°44'46,588"	Chiều cao mốc (m) 1,50
			Độ cao mặt đất (m) 1460,88
Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 182 đến mốc giới số 183 là 44°56'43"; khoảng cách là 1483,96m. Góc phương vị tọa độ mốc giới số 183 đến mốc giới số 184 là 326°43'18"; khoảng cách là 2214,36m.	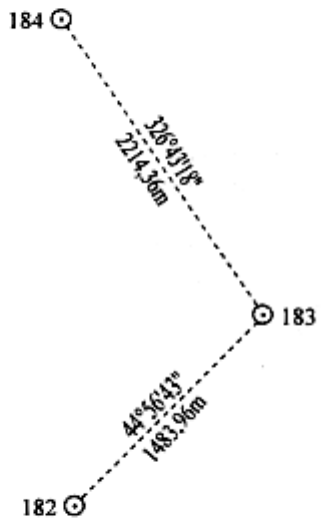		

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 184

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn (mốc tiêu)	Đá hoa cương	Ngày 07 tháng 6 năm 2013	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (m) 1404,88
	Tọa độ vuông góc X(m), Y(m)	Tọa độ địa lý B, L	
Mốc giới số 184 cắm trên đỉnh núi, nơi đường biên giới chuyển hướng.	2 288 856,47 368 201,41	20°41'40,341" 103°44'04,101"	Chiều cao mốc (m) 1,20
			Độ cao mặt đất (m) 1403,68
Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 183 đến mốc giới số 184 là 326°43'18"; khoảng cách là 2214,36m. Góc phương vị tọa độ mốc giới số 184 đến mốc giới số 185 là 09°12'36"; khoảng cách là 1570,92m.	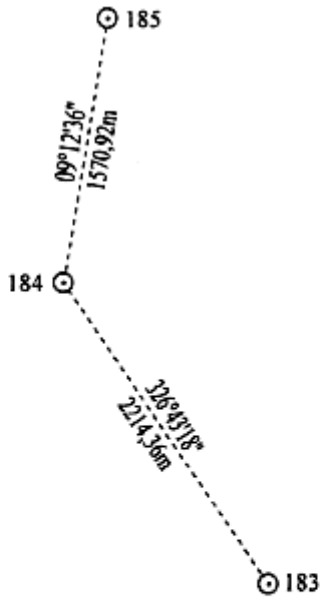		

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 185

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn (mốc tiêu)	Đá hoa cương	Ngày 08 tháng 6 năm 2013	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (m) 1187,02
	Tọa độ vuông góc X(m), Y(m)	Tọa độ địa lý B, L	
Mốc giới số 185 cắm trên đỉnh núi Nhà Thàu, trên đường biên giới.	2 290 407,14 368 452,84	20°42'30,834" 103°44'12,373"	Chiều cao mốc (m) 1,20
			Độ cao mặt đất (m) 1185,82
Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 184 đến mốc giới số 185 là 09°12'36"; khoảng cách là 1570,92m. Góc phương vị tọa độ mốc giới số 185 đến mốc giới số 186 là 330°00'58"; khoảng cách là 1721,32m.	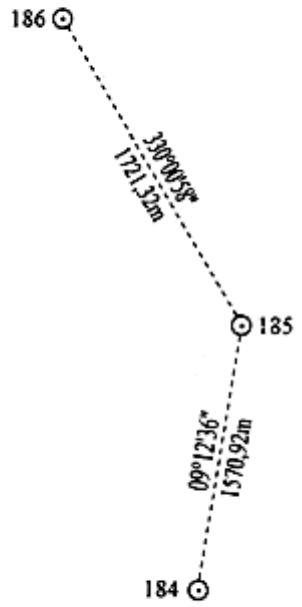		

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 186

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiểu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 10 tháng 6 năm 2013</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
1223,99</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 186 cắm trên đỉnh núi, nơi đường biên giới chuyển hướng.</td><td rowspan="2">2 291 898,09
367 592,60</td><td rowspan="2">20°43'19,103"
103°43'42,235"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
1222,79</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 185 đến mốc giới số 186 là 330°00'58"; khoảng cách là 1721,32m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 186 đến mốc giới số 187 là 16°35'29"; khoảng cách là 1348,43m.</td><td colspan="3"> 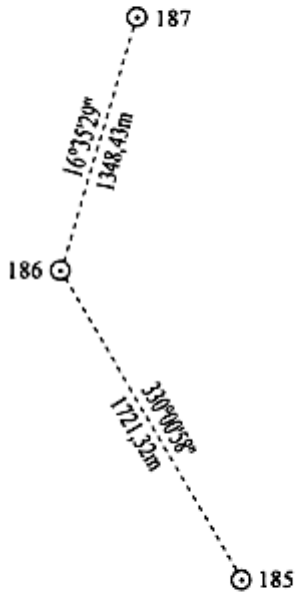
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 187

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn (mốc trung)	Đá hoa cương	Ngày 15 tháng 3 năm 2011	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (m) 1061,98
	Tọa độ vuông góc X(m), Y(m)	Tọa độ địa lý B, L	
Mốc giới số 187 cắm trên yên ngựa, cạnh đường giao thông, trên đường biên giới.	2 293 190,38 367 977,64	20°44'01,229" 103°43'55,195"	Chiều cao mốc (m) 1,50
			Độ cao mặt đất (m) 1060,48
Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 186 đến mốc giới số 187 là 16°35'29"; khoảng cách là 1348,43m. Góc phương vị tọa độ mốc giới số 187 đến mốc giới số 188 là 90°09'10"; khoảng cách là 1910,47m.	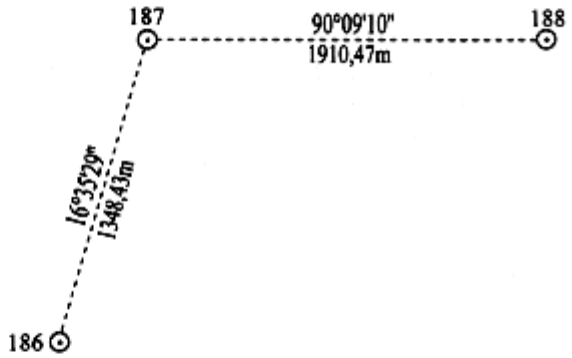		

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 188

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiểu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 15 tháng 3 năm 2011</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
1143,09</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 188 cắm trên sống núi, nơi đường biên giới chuyển hướng.</td><td rowspan="2">2 293 185,29
369 888,10</td><td rowspan="2">20°44'01,546"
103°45'01,240"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
1141,89</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 187 đến mốc giới số 188 là 90°09'10"; khoảng cách là 1910,47m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 188 đến mốc giới số 189 là 85°03'01"; khoảng cách là 2136,49m.</td><td colspan="3"> 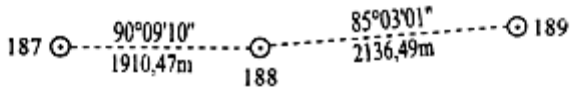
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 189

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn (mốc tiểu)	Đá hoa cương	Ngày 17 tháng 3 năm 2011	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (m) 1182,93
	Tọa độ vuông góc X(m), Y(m)	Tọa độ địa lý B, L	
Mốc giới số 189 cắm trên đỉnh núi, trên đường biên giới.	2 293 369,63 372 016,62	20°44'08,072" 103°46'14,775"	Chiều cao mốc (m) 1,20
			Độ cao mặt đất (m) 1181,73
Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 188 đến mốc giới số 189 là 85°03'01"; khoảng cách là 2136,49m. Góc phương vị tọa độ mốc giới số 189 đến mốc giới số 190 là 55°21'18"; khoảng cách là 2724,03m.	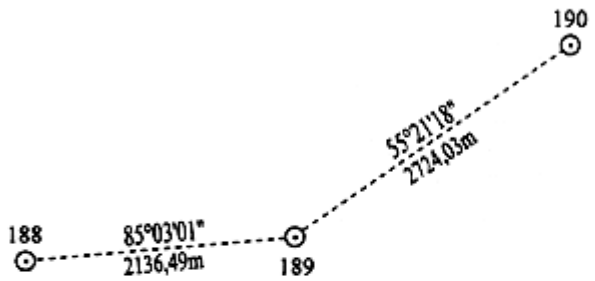		

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 190

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc trung)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 18 tháng 3 năm 2011</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
1530,52</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 190 cắm trên đỉnh núi, nơi đường biên giới chuyển hướng.</td><td rowspan="2">2 294 918,22
374 257,65</td><td rowspan="2">20°44'58,982"
103°47'31,851"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,50</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
1529,02</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 189 đến mốc giới số 190 là 55°21'18"; khoảng cách là 2724,03m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 190 đến mốc giới số 191 là 340°17'39"; khoảng cách là 1831,11m.</td><td colspan="3"> 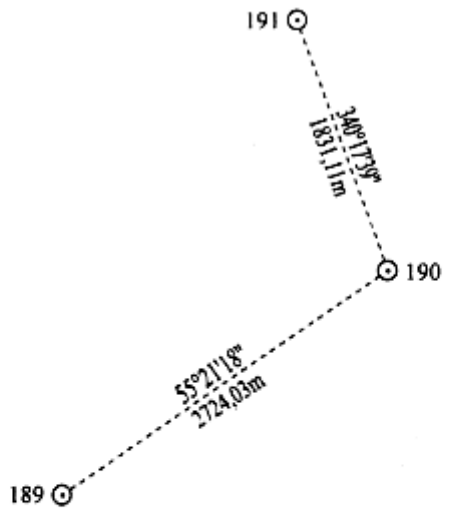
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 191

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiểu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 20 tháng 3 năm 2011</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
1423,31</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 191 cắm trên yên ngựa, trên đường biên giới.</td><td rowspan="2">2 296 642,09
373 640,22</td><td rowspan="2">20°45'54,897"
103°47'10,054"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
1422,11</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 190 đến mốc giới số 191 là 340°17'39"; khoảng cách là 1831,11m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 191 đến mốc giới số 192 là 00°03'32"; khoảng cách là 1728,89m.</td><td colspan="3"> 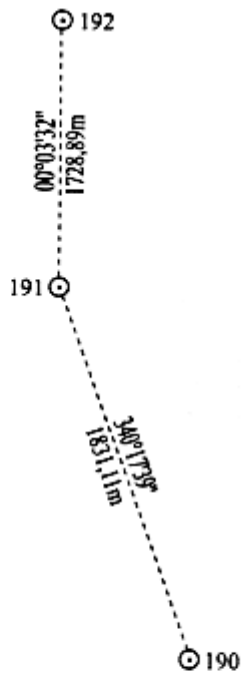
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 192

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiểu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 22 tháng 3 năm 2011</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
1465,33</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 192 cắm trên sống núi, trên đường biên giới.</td><td rowspan="2">2 298 370.98
373 642,00</td><td rowspan="2">20°46'51,124"
103°47'09,667"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
1464,13</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 191 đến mốc giới số 192 là 00°03'32"; khoảng cách là 1728,89m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 192 đến mốc giới số 193 là 337°32'56"; khoảng cách là 2920,38m.</td><td colspan="3"> 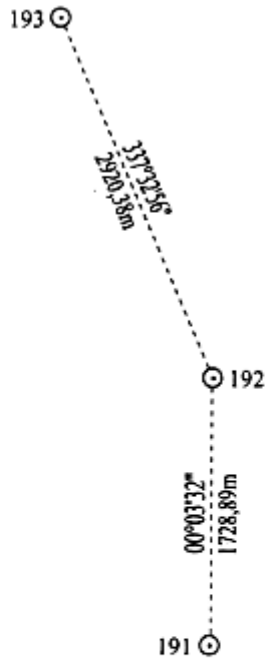
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 193

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn (mốc tiểu)	Đá hoa cương	Ngày 05 tháng 01 năm 2011	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (m) 1407,92
	Tọa độ vuông góc X(m), Y(m)	Tọa độ địa lý B, L	
Mốc giới số 193 cắm trên sống núi, nơi đường biên giới chuyển hướng.	2 301 070,01 372 526,72	20°48'18,627" 103°46'30,391"	Chiều cao mốc (m) 1,20
			Độ cao mặt đất (m) 1406,72
Góc phương vị, khoảng cách giữa mốc và cọc dấu	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 192 đến mốc giới số 193 là 337°32'56"; khoảng cách là 2920,38m. Góc phương vị tọa độ mốc giới số 193 đến cọc dấu số 193/1 là 51°26'46"; khoảng cách là 2270,44m.	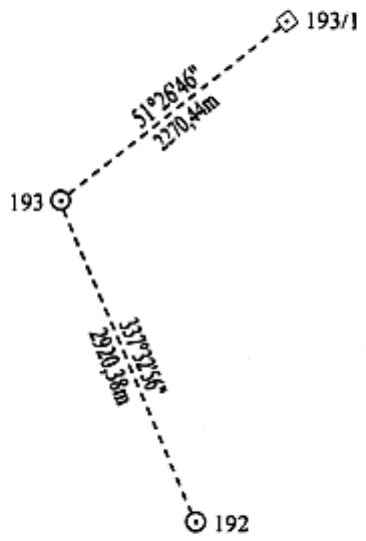		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỌC DẤU SỐ 193/1

Loại hình cọc dấu	Vật liệu làm cọc dấu	Thời gian cắm cọc dấu	
Cọc dấu đơn	Bê-tông cốt thép	Ngày 25 tháng 5 năm 2014	
Vị trí cọc dấu	Tọa độ		Độ cao (m) 997,56
	Tọa độ vuông góc X(m), Y(m)	Tọa độ địa lý B, L	
Cọc dấu số 193/1 cắm trên sống núi, cạnh đường giao thông, trên đường biên giới.	2 302 485,06 374 302,26	20°49'05,083" 103°47'31,434"	Chiều cao cọc dấu (m) 1,00
			Độ cao mặt đất (m) 996,56
Góc phương vị, khoảng cách giữa mốc và cọc dấu	Sơ đồ vị trí cọc dấu		
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 193 đến cọc dấu số 193/1 là 51°26'46"; khoảng cách là 2270,44m. Góc phương vị tọa độ cọc dấu số 193/1 đến mốc giới số 194 là 39°50'09"; khoảng cách là 2032,97m.	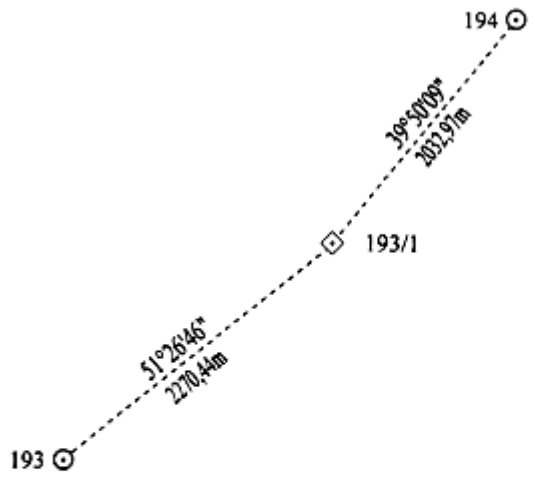		

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 194

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn (mốc tiểu)	Đá hoa cương	Ngày 05 tháng 01 năm 2011	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (m) 1511,34
	Tọa độ vuông góc X(m), Y(m)	Tọa độ địa lý B, L	
Mốc giới số 194 cắm trên đỉnh núi, nơi đường biên giới chuyển hướng.	2 304 046,14 375 604,56	20°49'56,168" 103°48'16,080"	Chiều cao mốc (m) 1,20
			Độ cao mặt đất (m) 1510,14
Góc phương vị, khoảng cách giữa mốc và cọc dấu	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cọc dấu số 193/1 đến mốc giới số 194 là 39°50'09"; khoảng cách là 2032,97m. Góc phương vị tọa độ mốc giới số 194 đến mốc giới số 195 là 356°27'55"; khoảng cách là 2371,78m.	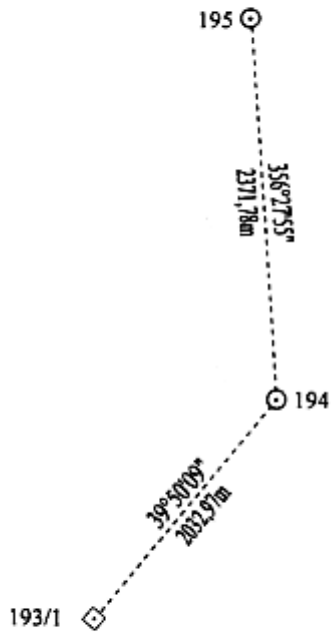		

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 195

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiểu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 05 tháng 01 năm 2011</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
1383,81</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 195 cắm trên đỉnh núi, nơi đường biên giới chuyển hướng.</td><td rowspan="2">2 306 413.41
375 458,33</td><td rowspan="2">20°51'13,121"
103°48'10,413"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
1382,61</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 194 đến mốc giới số 195 là 356°27'55"; khoảng cách là 2371,78m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 195 đến mốc giới số 196 là 89°16'27"; khoảng cách là 904,74m.</td><td colspan="3"> 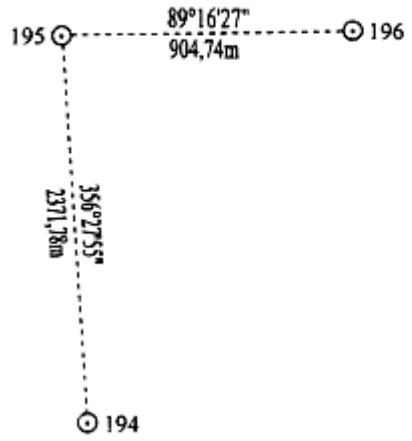
</td></tr>
</table>

236

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 196

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn (mốc tiểu)	Đá hoa cương	Ngày 05 tháng 01 năm 2011	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (m) 1555,41
	Tọa độ vuông góc X(m), Y(m)	Tọa độ địa lý B, L	
Mốc giới số 196 cắm trên đỉnh núi, nơi đường biên giới chuyển hướng.	2 306 424,87 376 363,00	20°51'13,711" 103°48'41,709"	Chiều cao mốc (m) 1,20
			Độ cao mặt đất (m) 1554,21
Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 195 đến mốc giới số 196 là 89°16'27"; khoảng cách là 904,74m. Góc phương vị tọa độ mốc giới số 196 đến mốc giới số 197 là 350°10'36"; khoảng cách là 1383,62m.	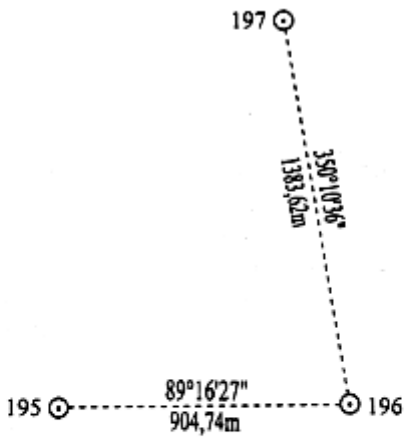		

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 197

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn (mốc tiểu)	Đá hoa cương	Ngày 05 tháng 01 năm 2011	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (m) 1489,69
	Tọa độ vuông góc X(m), Y(m)	Tọa độ địa lý B. L	
Mốc giới số 197 cắm trên đỉnh núi, nơi đường biên giới chuyển hướng.	2 307 788,20 376 126,94	20°51'57,992" 103°48'33,193"	Chiều cao mốc (m) 1,20 Độ cao mặt đất (m) 1488,49
Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 196 đến mốc giới số 197 là 350°10'36"; khoảng cách là 1383,62m. Góc phương vị tọa độ mốc giới số 197 đến mốc giới số 198 là 72°18'15"; khoảng cách là 2290,44m.	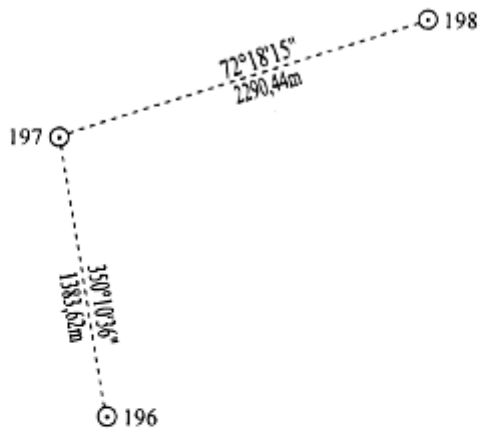		

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 198

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn (mốc trung)	Đá hoa cương	Ngày 05 tháng 01 năm 2011	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (m) 1181,82
	Tọa độ vuông góc X(m), Y(m)	Tọa độ địa lý B, L	
Mốc giới số 198 cắm trên đỉnh núi, nơi đường biên giới chuyển hướng.	2 308 484,41 378 309,00	20°52'21,155" 103°49'48,519"	Chiều cao mốc (m) 1,50
			Độ cao mặt đất (m) 1180,32
Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 197 đến mốc giới số 198 là 72°18'15"; khoảng cách là 2290,44m. Góc phương vị tọa độ mốc giới số 198 đến mốc giới số 199 là 121°31'56"; khoảng cách là 2419,86m.	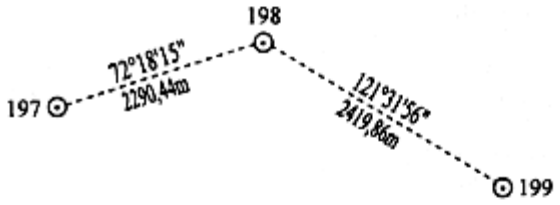		

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 199

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiểu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 05 tháng 01 năm 2011</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
1153,93</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 199 cắm trên đỉnh núi, nơi đường biên giới chuyển hướng.</td><td rowspan="2">2 307 218,88
380 371,56</td><td rowspan="2">20°51'40,481"
103°51'00,202"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
1152,73</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 198 đến mốc giới số 199 là 121°31'56"; khoảng cách là 2419,86m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 199 đến mốc giới số 200 là 35°01'34"; khoảng cách là 1694,07m.</td><td colspan="3"> 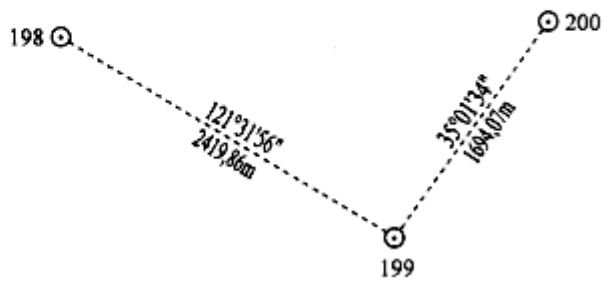
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 200

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn (mốc tiêu)	Đá hoa cương	Ngày 05 tháng 01 năm 2011	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (m) 1106,77
	Tọa độ vuông góc X(m), Y(m)	Tọa độ địa lý B, L	
Mốc giới số 200 cắm trên sống núi, trên đường biên giới.	2 308 606.14 381 343.87	20°52'25.824" 103°51'33,504"	Chiều cao mốc (m) 1,20
			Độ cao mặt đất (m) 1105,57
Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 199 đến mốc giới số 200 là 35°01'34"; khoảng cách là 1694,07m. Góc phương vị tọa độ mốc giới số 200 đến mốc giới số 201 là 47°11'26"; khoảng cách là 2678,46m.	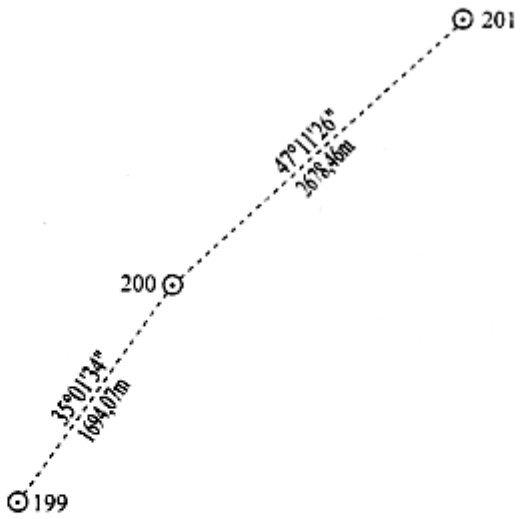		

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 201

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn (mốc tiêu)	Đá hoa cương	Ngày 05 tháng 01 năm 2011	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (m) 922,11
	Tọa độ vuông góc X(m), Y(m)	Tọa độ địa lý B. L	
Mốc giới số 201 cắm trên đỉnh núi, trên đường biên giới.	2 310 426,32 383 308,84	20°53'25,470" 103°52'41.059"	Chiều cao mốc (m) 1,20
			Độ cao mặt đất (m) 920.91
Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 200 đến mốc giới số 201 là 47°11'26"; khoảng cách là 2678,46m. Góc phương vị tọa độ mốc giới số 201 đến mốc giới số 202 là 46°12'12"; khoảng cách là 2637,06m.	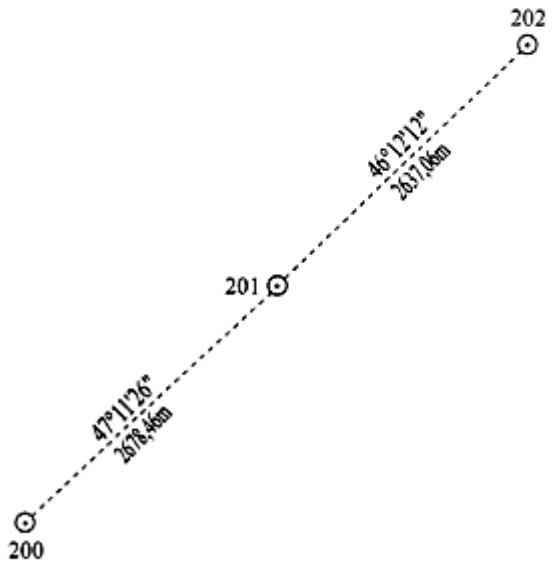		

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 202

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiểu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 05 tháng 01 năm 2011</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
1073,16</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 202 cắm trên đỉnh núi Luông, nơi đường biên giới chuyển hướng.</td><td rowspan="2">2 312 251,44
385 212,27</td><td rowspan="2">20°54'25,256"
103°53'46,497"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
1071,96</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 201 đến mốc giới số 202 là 46°12'12"; khoảng cách là 2637,06m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 202 đến mốc giới số 203 là 97°55'47"; khoảng cách là 3747,27m.</td><td colspan="3"> 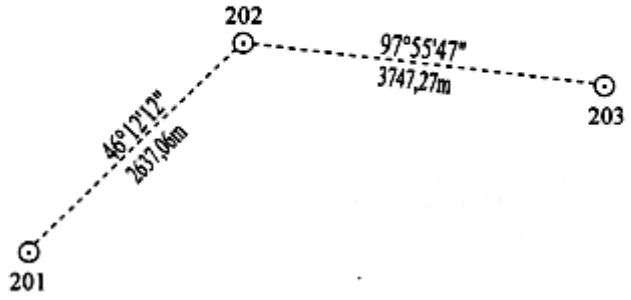
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 203

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn (mốc trung)	Đá hoa cương	Ngày 06 tháng 11 năm 2010	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (m) 756,51
	Tọa độ vuông góc X(m), Y(m)	Tọa độ địa lý B, L	
Mốc giới số 203 cắm trên yên ngựa (đèo Co Mun). trên đường biên giới.	2 311 734,47 388 923,71	20°54'09,259" 103°55'55,075"	Chiều cao mốc (m) 1,50 Độ cao mặt đất (m) 755,01
Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 202 đến mốc giới số 203 là 97°55'47"; khoảng cách là 3747,27m. Góc phương vị tọa độ mốc giới số 203 đến mốc giới số 204 là 129°04'10"; khoảng cách là 1489,82m.	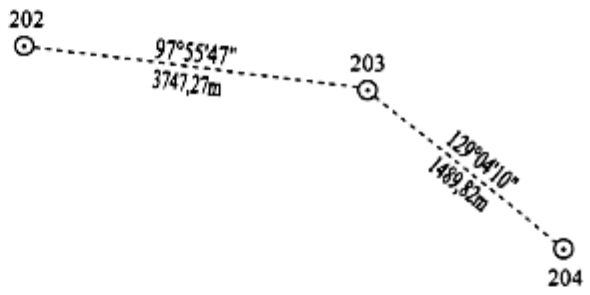		

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 204

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn (mốc tiểu)	Đá hoa cương	Ngày 10 tháng 11 năm 2010	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (m) 808,21
	Tọa độ vuông góc X(m), Y(m)	Tọa độ địa lý B, L	
Mốc giới số 204 cắm trên đỉnh núi, nơi đường biên giới chuyển hướng.	2 310 795,49 390 080,38	20°53'38,970" 103°56'35,321"	Chiều cao mốc (m) 1,20
			Độ cao mặt đất (m) 807,01
Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 203 đến mốc giới số 204 là 129°04'10"; khoảng cách là 1489,82m. Góc phương vị tọa độ mốc giới số 204 đến mốc giới số 205 là 78°26'43"; khoảng cách là 1502,20m.	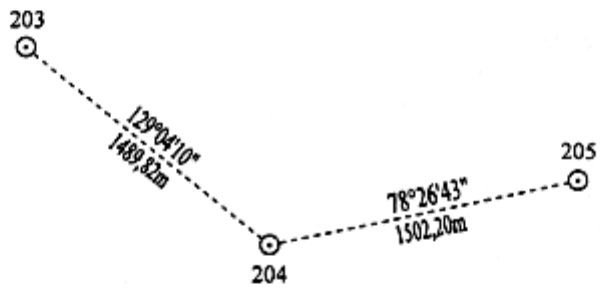		

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 205

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn (mốc tiểu)	Đá hoa cương	Ngày 09 tháng 11 năm 2010	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (m) 698,52
	Tọa độ vuông góc X(m), Y(m)	Tọa độ địa lý B, L	
Mốc giới số 205 cắm trên đỉnh núi, trên đường biên giới.	2 311 096.39 391 552,14	20°53'49,069" 103°57'26,190"	Chiều cao mốc (m) 1,20
			Độ cao mặt đất (m) 697,32
Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 204 đến mốc giới số 205 là 78°26'43"; khoảng cách là 1502,20m. Góc phương vị tọa độ mốc giới số 205 đến mốc giới số 206 là 41°11'11"; khoảng cách là 2218,21m.	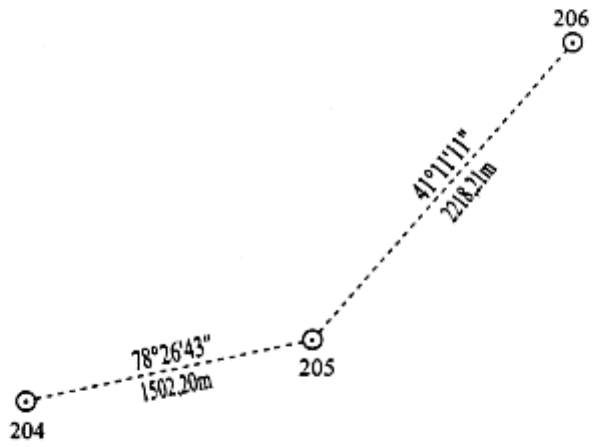		

246

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 206

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn (mốc trung)	Đá hoa cương	Ngày 13 tháng 11 năm 2010	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (m) 281,05
	Tọa độ vuông góc X(m), Y(m)	Tọa độ địa lý B, L	
Mốc giới số 206 cắm trên sống núi. cạnh đường đất nhỏ, trên đường biên giới.	2 312 765,75 393 012,85	20°54'43,668" 103°58'16,375"	Chiều cao mốc (m) 1,50
			Độ cao mặt đất (m) 279,55
Góc phương vị, khoảng cách giữa mốc và cọc dấu	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 205 đến mốc giới số 206 là 41°11'11"; khoảng cách là 2218,21m. Góc phương vị tọa độ mốc giới số 206 đến cọc dấu số 206/1 là 105°01'20"; khoảng cách là 625,36m.	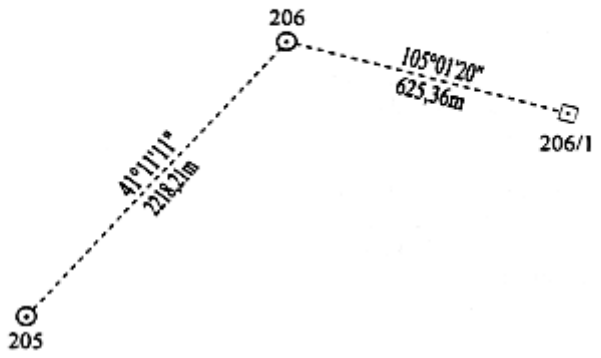		

247

(Xem tiếp Công báo số 1015 + 1016)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 01, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng